

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 21- 01- 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch; Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1985 tại TDP B, thị trấn T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: TDP B, thị trấn T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Lưu Thị N; vợ: Nguyễn Thị P, con: Có 03 con, con lớn nhất 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/10/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Người bị hại: Anh Ngô Quang C, sinh năm 1993; nơi cư trú: TDP T, thị trấn L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đặng Phương N, sinh năm 1998; nơi cư trú: TDP T, thị trấn L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

+ Anh Khổng Văn L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Người làm chứng: Anh Phùng Nam L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Phường A, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1985 ở TDP B, thị trấn T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách thuê xe ô tô tự lái rồi mang đi bán lấy tiền. Khoảng 21h30' ngày 16/4/2024, Đ một mình đến nhà anh Ngô Quang C, sinh năm 1993 ở TDP T, thị trấn L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc thuê xe ô tô tự lái - mục đích để Đ mang đi bán. Đ hỏi anh C thuê xe 20 ngày từ ngày 16/4/2024 đến ngày 06/5/2024, anh C đồng ý cho Đ thuê ô tô nhãn hiệu MAZDA sơn màu đỏ BKS 88A-243.44 với giá 900.000đ/1 ngày, yêu cầu Đ đặt cọc 20.000.000đ, Đ đồng ý và trả cho anh C 20.000.000đ tiền đặt cọc và trả trước 3.000.000đ tiền thuê xe. Sau đó anh C làm hợp đồng thuê xe ô tô tự lái, Đ ký xong, anh C giao xe ô tô BKS 88A-243.44 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô cho Đ, Đ nhận xe cùng giấy tờ rồi điều khiển chiếc xe ô tô đi về. Trên đường đi Đ gọi điện thoại cho anh Đặng Phương N, sinh năm 1998, ở TDP T, thị trấn L, huyện Lập Thạch Đ nói với Nam Đ có xe ô tô muốn bán - Đ không nói cho anh N biết xe ô tô vừa lừa được của anh C - anh N đồng ý mua, hai bên thỏa thuận giá bán 200.000.000 đồng. Do anh N không ở nhà nên anh N đã nhờ anh Phùng Nam L, sinh năm 1989, ở phường A, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ làm giấy tờ mua bán xe giúp, anh L đồng ý. Sau đó anh N bảo Đ điều khiển xe đến gặp L. Sau khi làm giấy tờ xong anh N chuyển khoản trước cho Đ 180.000.000 đồng còn nợ lại 20.000.000 đồng, nhận được tiền Đ giao xe cho anh L rồi đi về. Số tiền tiền này Đ trả nợ và chi tiêu hết. Sau khi mua được xe ô tô BKS 88A-243.44 của Đ, khoảng một tuần (anh N không nhớ ngày, tháng cụ thể) anh N bán chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1996, ở thôn P, xã C, huyện Sông Lô với giá 250.000.000 đồng. Đến ngày 13/5/2024, anh N bán chiếc xe ô tô trên cho anh Khổng Văn L, sinh năm 1993, ở thôn D, xã C, huyện Sông Lô với giá 350.000.000 đồng. Hết thời hạn thuê xe, không thấy Đ trả xe anh C gọi điện thoại yêu cầu Đ trả xe, sợ anh C biết nên Đ lừa hỏi anh C cho Đ thuê thêm 10 ngày nữa, tin Đ vẫn đang sử dụng xe nên anh C đồng ý. Đến hạn không thấy Đ trả xe anh C nhiều lần gọi điện cho Đ đòi xe không được nên anh C làm đơn trình báo cơ quan công an để điều tra làm rõ.

Ngày 05/8/2024, anh Khổng Văn L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô BKS 88A-243.44, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô BKS 88A-243.44 và 01 giấy mua bán xe ô tô. Ngày 20/9/2024 Ngô Quang C tự nguyện giao 01 bản hợp đồng thuê xe cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Lập Thạch để phục vụ công tác kiểm tra, xác minh theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐG ngày 15/8/2024, Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lập Thạch có, kết luận: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88A-243.44, nhãn hiệu MAZDA trị giá là 445.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-MT ngày 07 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Đ từ 09 năm đến 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/10/2024.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự:

Xác nhận bị cáo Đ đã bồi thường cho anh C số tiền 50.000.000đ là tiền mất thu nhập từ việc không cho thuê xe ô tô trong thời gian Đ chiếm đoạt xe của anh C.

Đặng Phương N yêu cầu Nguyễn Anh Đ phải trả cho anh N số tiền 180.000.000đ là tiền anh N mua xe của Đ; Nguyễn Đức N yêu cầu anh N phải trả lại cho N số tiền 250.000.000đ là tiền N mua xe của N và Khổng Văn L yêu cầu N phải trả lại cho L số tiền 350.000.000đ là tiền mua xe của N. Xét thấy yêu cầu của N, N, L là có căn cứ nên cần buộc bị cáo Đ phải trả lại cho anh N số tiền 180.000.000đ, buộc anh N phải trả lại cho anh N số tiền 250.000.000đ và buộc anh N phải trả lại cho anh L số tiền 350.000.000đ.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, bị cáo khai nhận:

Để có tiền tiêu sài cá nhân, nên Nguyễn Anh Đ đã nảy sinh ý định lừa đảo bằng hình thức thuê xe ô tô tự lái rồi mang bán lấy tiền. Khoảng 21h30' ngày 16/4/2024, Đ một mình đến nhà anh Ngô Quang C ở TDP T, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch thuê xe ô tô BKS 88A-243.44 tự lái với giá 900.000/01 ngày. Sau khi thuê được xe, Đ mang bán cho anh Đặng Phương N được 180.000.000đ, số tiền này Đ đã một mình tiêu sài hết. Trị giá chiếc xe ô tô Đ chiếm đoạt của anh C là 445.000.000 đồng.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Anh Đ đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”

[4]. Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, cần xử phạt tù bị cáo với mức án thật nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[6]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng của vụ án và các vấn đề khác:

- Anh C yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường số tiền 50.000.000đ là tiền mất thu nhập từ việc không cho thuê xe ô tô trong thời gian Đ chiếm đoạt xe của anh C. Xác nhận bị cáo Đ đã bồi thường cho anh C số tiền 50.000.000đ.

- Anh Đặng Phương N yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại cho anh N số tiền 180.000.000đ là tiền anh N mua xe của Đ; anh Nguyễn Đức N yêu cầu anh N phải trả lại cho anh N số tiền 250.000.000đ là tiền anh N mua xe của anh N và anh Không Văn L yêu cầu anh N phải trả lại cho anh L số tiền 350.000.000đ là tiền mua xe của anh N. Xét thấy yêu cầu của anh N, N, L là có căn cứ nên cần buộc bị cáo Đ phải trả lại cho anh N số tiền 180.000.000đ, buộc anh N phải trả lại cho anh N số tiền 250.000.000đ và buộc anh N phải trả lại cho anh L số tiền 350.000.000đ là phù hợp.

- Đối với 01 xe ô tô BKS 88A-243.44, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô BKS 88A-243.44 là tài sản hợp pháp của anh Ngô Quang C, ngày 04/10/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Lập Thạch đã trả lại xe ô tô cùng các giấy tờ trên cho anh C. Sau khi nhận lại tài sản anh C không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với hợp đồng thuê xe và giấy tờ mua bán xe cần lưu giữ trong hồ sơ là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh Đức phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Đ 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 11/10/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự:

Buộc bị cáo Đ phải trả cho anh Đặng Phương N số tiền 180.000.000đ.

Buộc anh Đặng Phương N phải trả cho anh Nguyễn Đức N số tiền 250.000.000đ.

Buộc anh Nguyễn Đức N phải trả cho anh Không Văn L số tiền 350.000.000đ.

Kể từ ngày anh N, N, L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Đ, anh N, N chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo Đ, anh N, N còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Anh Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 9.000.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Anh N phải chịu 12.500.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Anh N phải chịu 17.500.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh